

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 14-01-2022  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Liêu Chí Khanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Kết.

Bà Phạm Thị Hà.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 432/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Châu Thị Nh, sinh năm 1995; cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

***- Bị đơn:*** Anh Lê Văn C, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp M, xã Ng, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Chị Châu Thị Nh trình bày: Chị và anh Lê Văn C tổ chức lễ cưới vào năm 2014, cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được con chung tên Lê Thị Trà M, sinh ngày 05/3/2015, hiện do chị đang nuôi dưỡng. Đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cự cãi, thậm chí đánh nhau và ly thân gần hai năm nay. Hiện tại chị không còn thương anh C nên xin được ly hôn. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

- Anh Lê Văn C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị Nh, không tham gia hòa giải và xét xử.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Châu Thị Nh và anh Lê Văn C chung sống với nhau vào năm 2014, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy Tòa án không xem xét cho hoặc không cho anh chị ly hôn mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Nh thấy rằng: Cháu Trà My đang do chị Nh nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển tốt, trong khi anh C không phản đối yêu cầu nuôi con của chị Nh. Xét thấy cũng không cần thiết phải thay đổi môi trường sống của con nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nh là phù hợp. Do chị Nh không yêu cầu nên Tòa án không xem xét buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh xác định không có, anh C không phản đối, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên chị Nh phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Châu Thị Nh và anh Lê Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Trà M, sinh ngày 05/3/2015 cho chị Châu Thị Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh Lê Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Châu Thị Nh phải chịu 300.000 đồng. Chị Nh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0011735 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị Nh đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Nh có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh C có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Liêu Chí Khanh**